

ĐẶC ĐIỂM ĐỊNH DANH CỦA TỪ NGỮ NGHỀ CHẠM KHẮC ĐÁ NON NƯỚC

NGÔ THỊ THU HƯƠNG *

Tóm tắt: Bài viết nghiên cứu đặc điểm định danh của từ ngữ nghề chạm khắc đá Non Nước của người Việt ở phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Kết quả nghiên cứu cho thấy: 1) Từ ngữ nghề chạm khắc đá Non Nước chủ yếu có cấu trúc định danh phức hợp. Trong đó, những từ ngữ có mô hình “yếu tố cơ sở + yếu tố định danh 1 bậc” có số lượng nhiều nhất; 2) Từ ngữ nghề chạm khắc đá Non Nước có phương thức định danh trực tiếp là chủ yếu, đó là những từ ngữ được định danh từ những đặc điểm thuộc bản thể của đối tượng xuất hiện trong nghề. Những từ ngữ có phương thức định danh gián tiếp không nhiều, chúng được hình thành thông qua phương thức ẩn dụ và chuyển nghĩa của từ.

Từ khóa: Đặc điểm định danh, cấu trúc định danh, phương thức định danh, từ ngữ nghề chạm khắc đá Non Nước.

Abstract: The article studies the nominated characteristics of the Non Nuoc stone carving's professional jargons in Hoa Hai ward, Ngu Hanh Son district, Da Nang city. The research results show that: 1) The jargons mainly have a complex nominated structure, in which the majority of jargons is in the structure “basic element + 1-level nominated element”; 2) The jargons mainly have a direct nomination method, they are nominated by the ontological characteristics of the object appeared in the profession. There are not so many jargons which have an indirect nomination method, they are formed through metaphors and meaning transformation.

Keywords: Nominated characteristics, nomination structure, nomination methods, Non Nuoc stone carving's professional jargons.

1. Mở đầu

Nghiên cứu về định danh từ ngữ nghề nghiệp nói chung, đặc biệt các nghề truyền thống nói riêng có vai trò quan trọng trong việc tìm hiểu đặc trưng văn hóa, tư duy của cộng đồng những người lao động. Bởi lẽ, mỗi sự vật, hiện tượng (SV, HT) trong thế giới khách quan có nhiều thuộc tính khác nhau, những thuộc tính đó được mỗi cá nhân/cộng đồng nhận thức và phản ánh vào trong ngôn ngữ một cách khác nhau, thể hiện đặc trưng văn hóa của cá nhân/cộng đồng đó.

Định danh trong từ ngữ nghề nghiệp, nhất là định danh từ ngữ sử dụng trong một số nghề truyền thống cụ thể không được thực hiện nhiều, có thể kể đến một số công trình nghiên cứu như *Từ ngữ nghề nghiệp nghề gốm Quế* [8], *Nghiên cứu từ ngữ và văn hóa nghề biển Thanh - Nghệ Tĩnh* [2], *Từ ngữ nghề nghiệp nghề biển ở Thanh Hóa (Từ bình diện ngôn ngữ - văn hóa)* [3],

* TS - Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam; Email: ngothuong.vtd@gmail.com

Nghiên cứu từ ngữ nghề nghiệp nghề cá vùng Đồng Tháp Mười [1]. Tuy nhiên chưa có công trình nào nghiên cứu về định danh trong từ ngữ nghề chạm khắc đá Non Nước ở phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng, trong khi đây là một trong những nghề truyền thống của người Việt có lịch sử trên 300 năm hình thành và phát triển tại xứ Quảng - một trong những điểm dừng chân trên bước đường Nam tiến của người Việt cách đây khoảng 550 năm [4].

Bài viết này nghiên cứu cách định danh các từ ngữ nghề chạm khắc đá Non Nước ở phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng để thấy được văn hóa của người lao động xứ Quảng trong việc định danh các đối tượng xuất hiện trong quá trình lao động sản xuất, nhằm bảo tồn và phát huy giá trị ngôn ngữ, văn hóa của các nghề truyền thống ở thành phố Đà Nẵng, phục vụ tốt hơn nữa nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của cộng đồng làm nghề nơi đây.

2. Một số khái niệm và phương pháp nghiên cứu

2.1. Một số khái niệm

2.1.1. Khái niệm định danh

Nghiên cứu này sử dụng khái niệm định danh của G. V. Côtansky: “Định danh là sự cố định (hay gắn) cho một ký hiệu ngôn ngữ một khái niệm - biểu niệm phản ánh những đặc trưng nhất định của một biểu vật - các thuộc tính, phẩm chất và quan hệ của các đối tượng và các quá trình thuộc phạm vi vật chất và tinh thần, nhờ đó các đơn vị ngôn ngữ tạo thành những yếu tố nội dung của giao tiếp ngôn từ” [dẫn theo 7, tr.164] và “Quy trình định danh được thể hiện trước hết ở việc quy loại khái niệm của đối tượng định danh” [7, tr.83] và “Quá trình tạo ra các từ để định danh hay gọi tên các đối tượng có ý nghĩa lớn lao là vấn đề lựa chọn đặc trưng nào đó

nổi bật, có giá trị khu biệt để làm cơ sở cho gọi tên đối tượng [7, tr.84].

Đối với các ngôn ngữ đơn lập như tiếng Việt, những đơn vị ngôn ngữ biểu thị SV, HT trong quá trình ban đầu con người nhận thức thế giới khách quan là những từ đơn, đơn vị từ vựng nhỏ nhất có nghĩa. Những đơn vị ngôn ngữ này người ta chưa/ít tìm được lý do định danh. Do đó, hầu như các công trình nghiên cứu về định danh ngôn ngữ phần nhiều chỉ nghiên cứu những đơn vị đã có những thành tố đã rõ nghĩa: “Sau khi tiếp xúc với một khách thể mới, con người đã tìm hiểu, vạch ra một bộ những đặc trưng nào đó vốn có trong nó nhưng người ta chỉ chọn những đặc trưng nào thấy là tiêu biểu, dễ khu biệt với đối tượng khác và đặc trưng ấy đã có tên gọi trong ngôn ngữ” và vì thế “Không có gì lý tưởng hơn là chọn ra được đặc trưng nào đó thuộc đặc trưng bản chất của sự vật để làm cơ sở gọi tên cho nó” [7]. Như vậy, việc định danh những SV, HT vừa chịu áp lực từ hệ thống ngôn ngữ (tên gọi mới dùng để phân biệt nó với các SV, HT cùng loại đã xuất hiện), vừa mang tính chủ quan của cộng đồng sử dụng ngôn ngữ đó.

2.1.2. Cấu trúc định danh

Trong những nghiên cứu về định danh người ta thường phân loại cấu trúc định danh làm hai loại: định danh đơn giản (hay còn gọi là định danh cơ bản) và định danh phức hợp (hay còn gọi là định danh phái sinh). Định danh đơn giản là cách thức định danh chỉ có một yếu tố cơ sở, cách thức này mang tính vô đoán của mỗi một cộng đồng. Định danh phức hợp là cách thức định danh kết hợp giữa yếu tố cơ sở với một hoặc một vài yếu tố định danh, cách thức này có thể thấy được tính có lý do của việc định danh. Số lượng các yếu tố định danh tham gia vào cấu trúc định danh càng nhiều thì đối tượng càng được định

danh một cách chi tiết và ngược lại.

Dựa vào tính chất của mối liên hệ giữa đặc trưng hay đặc điểm định danh với đặc tính tri giác của chủ thể định danh, người ta chia phương thức định danh làm hai loại: định danh gián tiếp và định danh trực tiếp. Định danh trực tiếp là cách thức định danh dựa vào đặc trưng của đối tượng được gọi tên. Lối định danh này cho thấy mối liên hệ trực tiếp giữa những đặc trưng hay đặc điểm định danh với đặc tính tri giác đối tượng của chủ thể định danh. Trong khi đó, định danh gián tiếp là cách thức định danh theo lối ẩn dụ, hoán dụ; cho thấy mối liên quan gián tiếp giữa đặc trưng hay đặc điểm định danh đối với đặc tính tri giác đối tượng của chủ thể định danh [7].

2.1.3. Phương thức định danh

Bài viết xác định có hai phương thức định danh: trực tiếp và gián tiếp. Phương thức định danh trực tiếp là phương thức định danh có sử dụng đặc trưng thuộc bản thể và đặc trưng ngoài bản thể. Đặc trưng thuộc bản thể bao gồm những đặc điểm thuộc về bản thân đối tượng được định danh, chẳng hạn như đặc điểm về màu sắc, hình dáng, mùi vị, giới tính,... Đặc trưng ngoài bản thể bao gồm những đặc điểm về mục đích, quy mô, thời gian, vị trí,... được chủ thể nhận thức gán cho đối tượng định danh. Trong khi đó, phương thức định danh gián tiếp là phương thức định danh dựa vào hiện tượng chuyển nghĩa của từ.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp điều tra điền dã để thu thập từ ngữ của nghề chạm khắc đá Non Nước (Hòa Hải, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng) bởi vì hiện tại chưa có công trình nào xuất bản về từ ngữ của nghề này. Nhóm tác giả đã phỏng vấn sâu những người thợ có kinh nghiệm, các nghệ nhân

có tuổi đời, tuổi nghề cao tại điểm nghiên cứu. Trong quá trình phỏng vấn sâu, nhóm tác giả đã đề nghị các cộng tác viên trả lời các câu hỏi liên quan đến nghề như: công cụ làm nghề; nguyên liệu làm nghề; các thao tác, hoạt động khi làm nghề; tên sản phẩm của nghề;... và giải thích những đơn vị từ ngữ được sử dụng trong nghề. Từ đó, nhóm tác giả lập thành bảng từ để làm dữ liệu phân tích trong bài viết.

Bên cạnh đó, nghiên cứu này sử dụng thủ pháp thống kê mô tả những đơn vị từ ngữ theo những nội dung/tiêu chí nhất định nhằm định lượng các thông số nghiên cứu để từ đó chỉ ra đặc điểm ngôn ngữ và đặc trưng văn hóa trong từ ngữ nghề chạm khắc đá Non Nước. Bài viết còn sử dụng thủ pháp mô hình hóa nhằm khái quát cấu trúc định danh để giúp cho người đọc có thể hình dung rõ hơn về cách thức định danh của từ ngữ nghề chạm khắc đá Non Nước thuộc phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng để thấy được dấu ấn tư duy cũng như văn hóa qua ngôn ngữ của cộng đồng làm nghề này.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Cấu trúc định danh

Chúng tôi thu thập được 179 từ ngữ thuộc đối tượng phân tích đặc điểm định danh. Số lượng cụ thể từng loại cấu trúc định danh được thể hiện trong Bảng 1.

Bảng 1. Cấu trúc định danh của từ ngữ nghề chạm khắc đá Non Nước [5]

TT	Cấu trúc định danh	Mô hình định danh	Số lượng	Tỉ lệ %
1	Định danh đơn giản	yếu tố cơ sở	51	28,5
2	Định danh phức hợp	yếu tố cơ sở + yếu tố định danh n bậc ($n \geq 1$)	128	71,5
Tổng			179	100

Từ ngữ nghề chạm khắc đá có cấu trúc định danh đơn giản là những từ ngữ chỉ có một yếu tố định danh cơ sở, chẳng hạn như *só* (dụng cụ sản xuất, có thân hình trụ tròn, mũi nhọn, bằng kim loại, dùng để đục), *ngô* (dụng cụ sản xuất có hình lòng máng, dùng để làm lán sản phẩm),... Từ ngữ có cấu trúc định danh đơn giản chiếm số lượng tương đối lớn, có 51/179 đơn vị (28,5%) cho thấy sự phong phú về chủng loại các tên gọi của từ ngữ nghề chạm khắc đá. Bởi đây chính là những đơn vị ngôn ngữ nhỏ nhất có nghĩa của tiếng Việt, đồng thời cũng là yếu tố chỉ loại. Vì thế, số lượng những từ ngữ có cấu trúc định danh đơn giản càng nhiều thì chứng tỏ nhu cầu biểu thị loại SV, HT của nghề càng phong phú và ngược lại.

Từ ngữ nghề chạm khắc đá có cấu trúc định danh phức hợp là từ ngữ có yếu tố định danh cơ sở kết hợp với một (hoặc nhiều hơn một) yếu tố định danh (n bậc, trong đó $n \geq 1$). Trong từ ngữ nghề chạm khắc đá, từ ngữ có cấu trúc định danh phức hợp gồm những từ ngữ có mô hình cấu trúc: “yếu tố định danh cơ sở + yếu tố định danh 1 bậc”; “yếu tố định danh cơ sở + yếu tố định danh 2 bậc” và “yếu tố định danh cơ sở + yếu tố định danh 3 bậc”. Cụ thể từng loại từ ngữ có cấu trúc định danh phức hợp được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô hình cấu trúc định danh phức hợp của từ ngữ nghề chạm khắc đá

TT	Mô hình cấu trúc định danh	Số lượng	Tỉ lệ %
1	yếu tố cơ sở + yếu tố định danh 1 bậc	100	78,1
2	yếu tố cơ sở + yếu tố định danh 2 bậc	26	20,3
3	yếu tố cơ sở + yếu tố định danh 3 bậc	2	1,6
Tổng		128	100

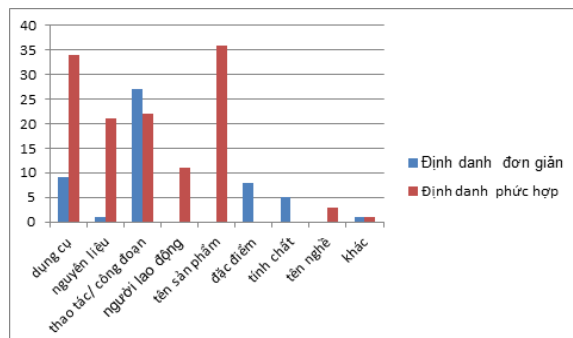
Từ ngữ nghề chạm khắc đá có mô hình cấu trúc “yếu tố cơ sở + yếu tố định danh 1 bậc” là những từ ngữ được định danh trên cơ sở kết hợp yếu tố chỉ loại với yếu tố định danh 1 bậc để khu biệt các SV, HT hay quá trình, chẳng hạn: *chạm kênh*, *chạm nông*, *chạm thùng*, *cưa tay*, *cưa máy*, *bạch thạch*, *đá cẩm*, *đá chàm*, *đá đục*, *đá ngang*, *đá đen*, *đá đông*, *đá granit*,... Kết quả thống kê cho thấy từ ngữ nghề chạm khắc đá có mô hình cấu trúc “yếu tố cơ sở + yếu tố định danh 1 bậc” là chủ yếu, có 100/128 đơn vị (78,1%).

Từ ngữ nghề chạm khắc đá có mô hình cấu trúc “yếu tố cơ sở + yếu tố định danh 2 bậc” là những từ ngữ được định danh trên cơ sở kết hợp yếu tố chỉ loại với yếu tố định danh 2 bậc, nhằm chi tiết hóa các SV, HT, chẳng hạn như: *mài vòng cong*, *máy khoan đá*, *đá ngang đầu*, *đá cẩm vân*,... Những từ ngữ có cấu trúc này có số lượng không nhiều, gồm 26/128 đơn vị (20,3%) cho thấy nhu cầu chi tiết hóa từ ngữ nghề chạm khắc đá không lớn.

Số lượng từ ngữ nghề chạm khắc đá có mô hình cấu trúc “yếu tố cơ sở + yếu tố định danh 3 bậc” là nhỏ nhất, có 02/128 đơn vị (1,6%). Đây là nhóm từ ngữ được định danh trên cơ sở kết hợp yếu tố chỉ loại với yếu tố định danh 3 bậc, nhằm chi tiết hóa cao các SV, HT, gồm: *tượng cóc ba chân ngậm râu tiền (thiền thờ)* và *tượng Phật bà nghìn tay nghìn mắt*. Trong cách định danh này, các thuộc tính của đối tượng được ghép với nhau một cách đơn giản cho thấy tính lỏng lẻo về cấu trúc định danh của từ ngữ nghề nghiệp được định danh một cách chi tiết so với các nhóm từ vựng khác như từ ngữ lông, từ địa phương, thuật ngữ,... trong vốn từ vựng nói chung.

Tóm lại, từ ngữ nghề chạm khắc đá có cấu trúc định danh phức hợp là chủ yếu, trong đó những từ ngữ có mô hình cấu trúc

“yếu tố cơ sở + yếu tố định danh 1 bậc” chiếm số lượng nhiều nhất. Điều này cho thấy, nghề chạm khắc đá có nhu cầu phân biệt đối tượng định danh 1 bậc nhiều hơn nhu cầu chi tiết hóa đối tượng định danh.



Biểu đồ 1. Mô hình cấu trúc định danh của từ ngữ nghề chạm khắc đá [5]

Tuy nhiên, ở mỗi nội dung biểu thị khác nhau, từ ngữ nghề chạm khắc đá có các cấu trúc định danh khác nhau, được thể hiện ở Biểu đồ 1. Trong đó, từ ngữ nghề chạm khắc đá cấu trúc định danh phức hợp chủ yếu ở các nhóm từ ngữ biểu thị dụng cụ, có 34/43 đơn vị (79,1%); nhóm từ ngữ biểu thị nguyên liệu có 21/22 đơn vị (95,5%); nhóm từ ngữ biểu thị người lao động có 11/11 đơn vị (100%);... Trong khi các từ ngữ có cấu trúc định danh đơn giản chủ yếu xuất hiện ở các nhóm từ ngữ biểu thị thao tác/công đoạn sản xuất, có 27/49 đơn vị (55,1%); nhóm từ ngữ biểu thị đặc điểm của các SV, HT có 8/8 đơn vị (100%). Điều này cho thấy nhu cầu phân biệt đối tượng định danh trong nhóm từ ngữ biểu thị thao tác/công đoạn, đặc điểm, tính chất ít hơn so với nhóm từ ngữ biểu thị dụng cụ, nguyên liệu, người lao động,... và ngược lại.

3.2. Phương thức định danh

Để phân tích phương thức định danh của từ ngữ nghề chạm khắc đá, chúng tôi đã loại 44 từ ngữ không thuộc đối tượng phân tích phương thức định danh, đó là những

đơn vị có cấu trúc định danh đơn giản, sử dụng nghĩa trực tiếp để biểu thị đối tượng, tính chất, hoạt động,... cụ thể trong nghề chạm khắc đá, chẳng hạn như: *số, ngô, nhị, nhíp, thông*,... Kết quả là chúng tôi lựa chọn được 135 từ ngữ để xem xét phương thức định danh, đó là những từ ngữ có cấu trúc định danh đơn giản, sử dụng nghĩa chuyển để biểu thị đối tượng, tính chất, hoạt động,... cụ thể trong nghề chạm khắc đá, chẳng hạn như: *gân* (đường lộ rõ trên thân đá nhưng không gây nứt cho sản phẩm), *da* (bề mặt bên ngoài của đá nguyên liệu), *sượng* (trạng thái cứng, giòn, khó đục của đá),... và những từ ngữ có cấu trúc định danh phức hợp, chẳng hạn như: *mũi búp sen, đục mũi thẳng, mũi hợp kim*,... để định danh theo hai phương thức: định danh trực tiếp và định danh gián tiếp. Trong đó, những đơn vị từ ngữ có phương thức định danh trực tiếp chiếm số lượng lớn và từ ngữ có phương thức định danh gián tiếp chiếm số lượng ít hơn nhiều (xem Bảng 3).

Bảng 3. Phương thức định danh của từ ngữ nghề chạm khắc đá Non Nước [5]

TT	Nhóm từ ngữ	Số lượng	Tỉ lệ %
1	Định danh trực tiếp	113	83,7
2	Định danh gián tiếp	22	16,3
Tổng		135	100

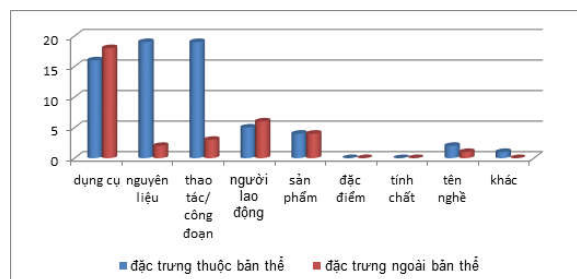
3.2.1. Phương thức định danh trực tiếp

Từ ngữ nghề chạm khắc đá có phương thức định danh trực tiếp chiếm số lượng lớn trong số các từ ngữ mà chúng tôi khảo sát, có 113/135 đơn vị (83,7%) (xem Bảng 3). Trong đó, những từ ngữ có đặc trưng định danh thuộc bản thể chiếm số lượng lớn trong khi những từ ngữ có đặc trưng định danh ngoài bản thể có số lượng ít hơn (xem Bảng 4).

Bảng 4. Đặc trưng định danh của từ ngữ nghề chạm khắc đá [5]

TT	Nhóm từ ngữ	Số lượng	Tỉ lệ %
1	Đặc trưng thuộc bản thể	69	61,1
2	Đặc trưng ngoài bản thể	44	38,9
Tổng		113	100

Tùy thuộc vào nội dung biểu thị mà các nhóm từ ngữ trong nghề chạm khắc đá có đặc trưng định danh khác nhau. Chẳng hạn, nhóm từ ngữ biểu thị nguyên liệu và thao tác/công đoạn sản xuất chủ yếu có đặc trưng định danh thuộc bản thể, lần lượt có 19/21 đơn vị (90,5%) và 15/20 đơn vị (75%); trong khi nhóm từ ngữ biểu thị dụng cụ và người lao động chủ yếu có đặc trưng định danh ngoài bản thể, lần lượt có 18/25 đơn vị (72%) và 7/11 đơn vị (63,6%);... (xem Biểu đồ 2).



Biểu đồ 2. Đặc trưng định danh của từ ngữ nghề chạm khắc đá [5]

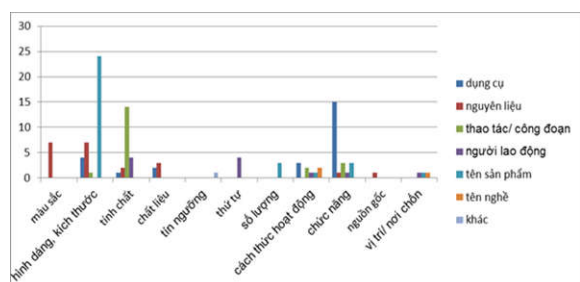
Từ ngữ nghề chạm khắc đá sử dụng 11 đặc điểm định danh trực tiếp để biểu thị 7 nội dung, bao gồm những đặc điểm định danh như ở Bảng 5 và Biểu đồ 3.

Tuy nhiên, tùy thuộc vào nội dung biểu thị mà tỉ lệ đặc điểm định danh từ ngữ nghề chạm khắc đá có sự khác biệt. Trong đó, nhóm từ ngữ biểu thị đặc điểm hình dáng, kích thước có số lượng nhiều nhất, có 36/113 đơn vị (31,9%); nhóm từ ngữ biểu thị đặc điểm chức năng có 23/113 đơn vị (20,4%); sau đó là nhóm từ ngữ biểu thị các đặc điểm khác như nhóm từ ngữ biểu thị đặc

Bảng 5. Đặc điểm định danh của từ ngữ nghề chạm khắc đá [5]

TT	Đặc điểm định danh	Số lượng	Tỉ lệ %	Ví dụ
1	Màu sắc	7	6,2	đá đen, đá cẩm,...
2	Hình dáng, kích thước	36	31,9	đá dọc, đá khối, đá ngang,...
3	Tính chất	21	18,6	làm thô, ra thô, mài bóng,...
4	Chất liệu	5	4,4	mũi hợp kim, cốt bê tông,...
5	Tín ngưỡng	1	0,8	cúng tổ nghề đá
6	Thứ tự	4	3,5	thợ nhát, thợ nhì,...
7	Số lượng	3	2,7	tượng Phật bà nghìn tay nghìn mắt, tượng 12 con giáp,...
8	Cách thức hoạt động	9	8,0	cưa tay, cưa máy, đồ đục,...
9	Chức năng	23	20,4	đồ thờ, máy mài, máy cắt,...
10	Nguồn gốc	1	0,8	đá Chàm
11	Vị trí	3	2,7	thợ hàm, nghề hàm,...
Tổng		113	100	

điểm tính chất, có 21/113 đơn vị (18,6%); nhóm từ ngữ biểu thị đặc điểm tín ngưỡng và nguồn gốc có số lượng ít nhất, đều chỉ có 1/113 đơn vị (0,8%) (xem Biểu đồ 3).



Biểu đồ 3. Đặc điểm định danh của từ ngữ nghề chạm khắc đá [5]

Biểu đồ 3 cho thấy sự phân bố 11 đặc điểm định danh của từ ngữ nghề chạm khắc đá theo 7 nội dung biểu thị khác nhau. Tùy

từng nội dung mà các nhóm từ ngữ biểu thị đặc điểm định danh có sự phân bố khác nhau, chẳng hạn như đặc điểm màu sắc chỉ có ở nhóm từ ngữ biểu thị nguyên liệu; đặc điểm hình dáng, kích thước thì có ở nhóm từ ngữ biểu thị dụng cụ, nguyên liệu, thao tác, công đoạn và sản phẩm;... (xem Bảng 5, Biểu đồ 3).

Như vậy, nghiên cứu phương thức định danh trực tiếp có thể thấy tư duy trực quan của cộng đồng người làm nghề chạm khắc đá Non Nước qua việc sử dụng những thuộc tính thuộc bản thể (đặc điểm hình dáng, kích thước) của đối tượng định danh là chủ yếu.

3.2.2. Phương thức định danh gián tiếp

Ngoài phương thức định danh trực tiếp, từ ngữ nghề chạm khắc đá còn có phương thức định danh gián tiếp. Theo số liệu thống kê, từ ngữ nghề chạm khắc đá có phương thức định danh gián tiếp không nhiều, có 22/135 đơn vị (16,3%). Trong đó chủ yếu là nhóm từ ngữ biểu thị dụng cụ có 8/22 đơn vị (36,4%); nhóm từ ngữ biểu thị thao tác/công đoạn sản xuất có 6/22 đơn vị (27,3%);... Đây là những từ ngữ được định danh theo phương thức ẩn dụ những thuộc tính tương đồng của đối tượng mà từ toàn dân biểu thị sang những thuộc tính của đối tượng trong nghề mà từ ngữ biểu thị. Chẳng hạn như việc ẩn dụ/hoán dụ những thuộc tính của các bộ phận cơ thể người và động vật để định danh gián tiếp từ ngữ nghề chạm khắc đá, chẳng hạn như những trường hợp *lưỡi cắt*, *lưỡi mài*, *mũi hợp kim*,... hay như trường hợp *da* có nét nghĩa là “lớp mô bọc ngoài cơ thể người và động vật” [6, tr.236] được dùng để gọi bề mặt ngoài của đá, *gân* có những nét nghĩa “1. Dây chằng ở đầu cơ nối với xương. 2. Tĩnh mạch nổi lên, thấy rõ ở dưới da (...).” [6, tr.375] được

dùng để gọi “đường lộ rõ trên thân đá nhưng không gây nứt cho sản phẩm”. Hay nét nghĩa vị trí của *lòng* là “những bộ phận trong bụng của con vật giết thịt, dùng làm thức ăn” [6, tr.578] được chuyển thành nét nghĩa “ở phía bên trong” của từ ngữ biểu thị đối tượng trong nghề chạm khắc đá như trong trường hợp *xuống lòng* có nghĩa là (thao tác) đục dần dần vào phía bên trong của khối đá được chế tác; *nhóm lòng* (thao tác) đục khuôn lại hình lòng máng ở những sản phẩm có độ cong trơn dần đều vào phía bên trong của khối đá được chế tác [5]. Như vậy, phương thức định danh gián tiếp không những cho thấy tư duy dĩ nhân vi trung của người Việt làm nghề chạm khắc đá Non Nước, Đà Nẵng mà còn cho thấy sự ảnh hưởng của văn hóa nông nghiệp đến quá trình lao động của cộng đồng làm nghề này.

4. Kết luận

Nghiên cứu cấu trúc định danh của từ ngữ nghề chạm khắc đá Non Nước ở phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng cho thấy, người Việt làm nghề chạm khắc đá Non Nước có nhu cầu phân biệt loại đối tượng biểu thị mà không chi tiết hóa những SV, HT đó. Ngoài ra, nghiên cứu phương thức định danh còn cho thấy, người lao động nghề chạm khắc đá Non Nước chủ yếu định danh các SV, HT một cách trực tiếp từ các đặc điểm thuộc bản thể của đối tượng định danh và định danh SV, HT một cách gián tiếp thông qua việc ẩn dụ những thuộc tính thuộc bộ phận cơ thể người và những thuộc tính của đối tượng thuộc văn hóa nông nghiệp sang thuộc tính của từ ngữ biểu thị đối tượng trong nghề chạm khắc đá. Điều này không những thể hiện tư duy trực quan mà còn thể hiện tư duy dĩ nhân vi trung của người Việt làm nghề chạm khắc

⇒ Xem tiếp trang 47